CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

(Ban hành theo Quyết định số 47/2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Loại đô thị	Giới hạn		Giá đất
			Từ	Đến	
I	**THÀNH PHỐ VỊ THANH**	**III**			
Đường loại I					
1	Trần Hưng Đạo	III	Cầu 2 Tháng 9	Nguyễn Thái Học	7,000,000
			Nguyễn Thái Học	Cầu Cái Nhúc	5,600,000
			Cầu Cái Nhúc	Lê Quý Đôn	4,500,000
			Lê Quý Đôn	Cống 1	3,500,000
			Cống 1	Nguyễn Viết Xuân	2,500,000
			Nguyễn Viết Xuân	Cầu Chủ Chẹt	2,000,000
			Cầu Chủ Chẹt	Trạm Y tế phường VII	1,200,000
			Trạm Y tế phường VII	Cầu Rạch Gốc	3,600,000
			Cầu 2 Tháng 9	Cầu 30 Tháng 4	5,600,000
			Cầu 30 Tháng 4	Ngô Quốc Trị	4,500,000
			Ngô Quốc Trị	Giáp ranh đất công 406	4,000,000
			Ranh đất công 406	Cống 406	3,500,000
			Cống 406	Ranh Nghĩa Trang	1,600,000
			Hết ranh Nghĩa Trang	Đường Ngô Quyền	1,120,000
			Đường Ngô Quyền	Cầu Ba Liên	800,000
2	Châu Văn Liêm	III	Trần Hưng Đạo	Đoàn Thị Điểm	6,300,000
			Đoàn Thị Điểm	Nguyễn Công Trứ	5,600,000
3	Đường 30 tháng 4	III	Trần Hưng Đạo	Đoàn Thị Điểm	6,300,000
			Đoàn Thị Điểm	Nguyễn Công Trứ	5,600,000
4	Trưng Trắc	III	Đường 30 Tháng 4	Nguyễn Thái Học	6,300,000
5	Trưng Nhị	III	Đường 30 Tháng 4	Nguyễn Thái Học	6,300,000
6	Lê Lai	III	Trần Hưng Đạo	Đoàn Thị Điểm	5,600,000

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Loại đô thị	Giới hạn		Giá đất
			Từ	Đến	
7	Lê Lợi	III	Trần Hưng Đạo	Đoàn Thị Điểm	5,600,000
8	Đường 1 tháng 5	III	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Công Trứ	5,600,000
9	Nguyễn Thái Học	III	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Công Trứ	5,600,000
			Nguyễn Công Trứ	Lưu Hữu Phước	4,500,000
10	Đoàn Thị Điểm	III	Châu Văn Liêm	Đường 30 Tháng 4	5,600,000
			Đường 30 Tháng 4	Nguyễn Thái Học	4,800,000
11	Nguyễn Công Trứ	III	Đường 1 Tháng 5	Cầu Nguyễn Công Trứ	5,600,000
12	Đường 3 tháng 2	III	Trần Hưng Đạo	Ngô Quốc Trị	5,600,000
			Ngô Quốc Trị	Cầu Miếu	4,500,000
			Cầu Miếu	Trụ sở Công an tỉnh	3,600,000
			Trụ sở Công an tỉnh	Hết ranh thành phố	2,000,000
13	Nguyễn Việt Hồng	III	Đường 30 Tháng 4	Nguyễn Thái Học	5,300,000
14	Cô Giang	III	Trần Hưng Đạo	Trưng Trắc	5,300,000
15	Cô Bắc	III	Trần Hưng Đạo	Trưng Trắc	5,300,000
16	Cai Thuyết	III	Trần Hưng Đạo	Trưng Trắc	5,300,000
17	Nguyễn Khắc Nhu	III	Trần Hưng Đạo	Trưng Trắc	5,300,000
18	Phó Đức Chính	III	Trần Hưng Đạo	Trưng Trắc	5,300,000
19	Chiêm Thành Tấn	III	Trần Hưng Đạo	Trưng Trắc	5,300,000
			Trưng Trắc	Nguyễn Công Trứ	4,400,000
20	Hải Thượng Lãn Ông	III	Lê Văn Tám	Kênh Hậu Bệnh Viện	5,600,000
21	Đại lộ Hậu Giang	III	Cầu Hậu Giang	Hết ranh phường IV	2,500,000
			Đường Trần Hưng Đạo	Hết ranh thành phố	2,650,000
22	Võ Văn Kiệt	III	Đường 3 Tháng 2	Cống xả Ba Liên	2,650,000
23	Hùng Vương	III	Cống xả Ba Liên	Trần Hưng Đạo	842,000
24	Nguyễn An Ninh	III	Đại lộ Hậu Giang	Kênh lộ 62	1,500,000
Đường Loại II					
25	Ngô Quốc Trị	III	Trần Hưng Đạo	Đường 3 Tháng 2	4,500,000
26	Lê Văn Tám	III	Đường 1 tháng 5	Hải Thượng Lãn Ông	3,400,000

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Loại đô thị	Giới hạn		Giá đất
			Từ	Đến	
27	Kim Đồng	III	Đường 1 tháng 5	Hải Thượng Lãn Ông	4,000,000
28	Trần Quang Diệu	III	Suốt đường		3,600,000
29	Hồ Xuân Hương	III	Suốt đường		3,200,000
30	Hoàng Hoa Thám	III	Nguyễn Thái Học	Chiêm Thành Tấn	3,000,000
31	Phan Bội Châu	III	Nguyễn Thái Học	Chiêm Thành Tấn	3,000,000
32	Phan Chu Trinh	III	Nguyễn Thái Học	Chiêm Thành Tấn	3,000,000
33	Trần Ngọc Quế	III	Nguyễn Công Trứ	Cầu Hồ Tam Giác	3,000,000
			Cầu Hồ Tam Giác	Cầu Vị Thắng	2,100,000
			Cầu Vị Thắng	Kênh Xáng Hậu	1,700,000
34	Trần Quốc Toản	III	Đường 1 Tháng 5	Châu Văn Liêm	3,400,000
35	Đường Trương Định	III	Suốt đường		3,200,000
36	Lý Tự Trọng	III	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Văn Trỗi	4,000,000
37	Phạm Hồng Thái	III	Lê Quý Đôn	Võ Thị Sáu	3,200,000
38	Huỳnh Phan Hộ	III	Lê Quý Đôn	Võ Thị Sáu	3,200,000
39	Lê Văn Nhung	III	Lê Quý Đôn	Lý Tự Trọng	3,200,000
40	Trần Hoàng Na	III	Lê Quý Đôn	Lý Tự Trọng	3,200,000
41	Lê Bình	III	Lê Quý Đôn	Lý Tự Trọng	3,200,000
Đường Loại III					
42	Nguyễn Văn Trỗi	III	Cầu Cái Nhúc 2	Cống 1	2,800,000
43	Võ Thị Sáu	III	Lý Tự Trọng	Nguyễn Văn Trỗi	2,800,000
44	Lê Quý Đôn	III	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Văn Trỗi	2,800,000
45	Nguyễn Trãi	III	Lê Hồng Phong	Kênh Tắc Huyện Phương	2,000,000
46	Đường 19 Tháng 8	III	Lê Hồng Phong	Kênh 59	460,000
47	Đồ Chiểu	III	Nguyễn Công Trứ	Kênh Quan Đế	2,800,000
48	Lưu Hữu Phước	III	Đồ Chiểu	Trần Ngọc Quế	2,800,000
49	Ngô Hữu Hạnh	III	Triệu Thị Trinh	Nguyễn Công Trứ	1,800,000
50	Nguyễn Trung Trực	III	Ngã ba chợ	Chùa ông Bổn	2,800,000
51	Phan Văn Trị	III	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Trung Trực	2,800,000
52	Bùi Hữu Nghĩa	III	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Trung Trực	2,800,000

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Loại đô thị	Giới hạn		Giá đất
			Từ	Đến	
53	Chu Văn An	III	Trần Hưng Đạo	Hồ Sen	1,300,000
54	Mạc Đỉnh Chi	III	Trần Hưng Đạo	Hồ Sen	1,300,000
55	Đường nội vi phường VII	III	Trần Hưng Đạo	Bãi bùn Nhà máy đường	800,000
56	Nguyễn Huệ	III	Kênh 59	Kênh Ba Quảng	2,000,000
			Kênh Ba Quảng	Kênh Tắc Huyện Phương	1,400,000
57	Lý Thường Kiệt	III	Nguyễn Trãi	Nguyễn Huệ	2,000,000
58	Đường nối Nguyễn Trãi - Lê Hồng Phong	III	Nguyễn Trãi	Lê Hồng Phong	1,900,000
59	Lê Hồng Phong	III	Đường 3 Tháng 2	Cầu 30 Tháng 4	5,600,000
			Cầu 30 Tháng 4	Hẻm 2	2,100,000
			Hẻm 2	Hẻm 7	1,500,000
			Hẻm 7	Cống Ba Huệ	1,000,000
			Cống Ba Huệ	Đường 19 Tháng 8	700,000
60	Bùi Thị Xuân	III	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Văn Trỗi	2,000,000
61	Cao Thắng	III	Trần Hưng Đạo	Hết đường	2,000,000
62	Trần Văn Hoài	III	Đường dân cư phường III	Hết đường	1,600,000
63	Triệu Thị Trinh	III	Nguyễn Thái Học	Nguyễn Công Trứ	2,000,000
64	Nội vi chợ phường IV	III	Các đường theo quy hoạch		2,000,000
65	Đường dân cư phường III	III	Cao Thắng	Hết đường	1,600,000
66	Các đường nội bộ khu tái định cư phường III giai đoạn 1	III	Phan Đình Phùng, Lương Đình Của, Cao Bá Quát, Đặng Thùy Trâm, Phùng Khắc Khoan, Ngô Gia Tự, Trần Văn Ơn, Nguyễn Hữu Cảnh, Ngô Thì Nhậm, Lê Văn Sĩ, Võ Văn Tần, Nguyễn Thông		610,000
67	Các đường nội bộ khu tái định cư phường III giai đoạn 2	III	Lê Quý Đôn (Nguyễn Văn Trỗi - Kinh Xáng Hậu), Lương Thế Vinh, Nguyễn Cư Trinh, Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Biểu, Nguyễn Du, Đào Duy Từ, Thi Sách, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Khuyến, Lê Anh Xuân.		610,000
68	Nguyễn Công Trứ	III	Cầu Nguyễn Công Trứ	Hết ranh khu TĐC phường III, giai đoạn 2	800,000

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Loại đô thị	Giới hạn		Giá đất
			Từ	Đến	
69	Đường vào Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp	III	Đường Trần Hưng Đạo	Ranh Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp	1,200,000
70	Đường vào Khu dân cư - thương mại phường VII (586)	III	Đường Trần Hưng Đạo	Ranh Khu dân cư - thương mại	1,200,000
Đường loại IV					
71	Nội vi khu Công an	III	Suốt đường		1,000,000
72	Đường 1 tháng 5 nối dài	III	Kênh Hậu Bệnh Viện	Kênh Xáng Hậu	1,000,000
			Kênh Xáng Hậu	Giáp ranh Vị Thủy	800,000
73	Nguyễn Viết Xuân	III	Trần Hưng Đạo	Cầu Nguyễn Viết Xuân	700,000
			Cầu Nguyễn Viết Xuân	Kênh Xáng Hậu	500,000
74	Vị Bình	III	Kênh Mương Lộ 3 tháng 2	Cống Mười Hạ	400,000
			Cống Mười Hạ	Nhà Chín Sóc	350,000
			Nhà Chín Sóc	Cầu Út Vẹn	300,000
			Cầu Út Vẹn	Cầu Út Tiệm	250,000
75	Vị Bình B	III	Kênh Vị Bình	Kênh ranh Vị Thuỷ	300,000
76	Đường Kênh Tắc Vị Bình	III	Cầu Xáng Hậu	Kênh Vị Bình	600,000
77	Đồng Khởi	III	Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp	Kênh Xáng Hậu	400,000
78	Nguyễn Thị Minh Khai	III	Kênh Mương Lộ 62	Kênh Mò Om	800,000
			Kênh Mò Om	Cầu Nhà Cháy	600,000
79	Lê Thị Hồng Gấm	III	Kênh Mương Lộ 62	Nguyễn Huệ nối dài	600,000
80	Đường Xà No	III	Kênh Mương Lộ 62	Kênh Điểm Tựa	600,000
81	Nội vi đường Trường Phụ Nữ	III	Các đường còn lại		400,000
82	Khu DC - TM phường VII	III	Tất cả các đường theo quy hoạch (trừ đường dự mở)		2,000,000
83	Đường công vụ phường VII - Hỏa Lựu	III	Trần Hưng Đạo	Kênh Thủy Lợi	500,000
			Kênh Thủy Lợi	Kênh Xáng Hậu	400,000
84	Đường Vị Nghĩa	III	Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh lộ 62	360,000
II	**HUYỆN VỊ THỦY**	**V**			
			Cầu Nàng Mau	Trạm Biến Điện	2,000,000

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Loại đô thị	Giới hạn		Giá đất
			Từ	Đến	
1	Quốc Lộ 61	V	Trạm Biến Điện	Cống Hai Lai	800,000
			Cầu Nàng Mau	Ranh xã Vị Thắng	600,000
2	Tuyến song song mương lộ Quốc Lộ 61	V	Trường Tiểu học thị trấn Nàng Mau 2	Chùa Tịnh xá Ngọc Long	200,000
			Chùa Tịnh xá Ngọc Long	Nguyễn Chí Thanh	300,000
			Cầu Nàng Mau	Ranh xã Vị Thắng	400,000
3	Dãy phố cặp nhà lồng chợ thị trấn Nàng Mau	V	Quốc Lộ 61	Kênh Hậu	2,000,000
4	Ngô Quốc Trị	V	Nguyễn Huệ	Nguyễn Chí Thanh	2,000,000
5	Hùng Vương	V	Cầu 30 tháng 4	Khu dân cư giáo viên	2,000,000
6	Lê Quý Đôn	V	Nguyễn Huệ	Nguyễn Trung Trực	1,300,000
7	Nguyễn Văn Tiềm	V	Nguyễn Huệ	Nguyễn Chí Thanh	1,300,000
8	Lê Hồng Phong	V	Nguyễn Huệ	Nguyễn Trung Trực	1,300,000
9	Nguyễn Huệ	V	Ngô Quốc Trị	Nguyễn Văn Tiềm	1,300,000
10	Nguyễn Trung Trực	V	Ngô Quốc Trị	Nguyễn Văn Tiềm	1,300,000
11	Đường tránh thị trấn Nàng Mau	V	Ngã ba cống Hai Lai	Kênh Nàng Mau	600,000
			Kênh Nàng Mau	Ngã ba cây xăng Sơn Vi	500,000
12	Nội vi khu tái định cư A - B	V	Các đường nội bộ theo quy hoạch		500,000
13	Đường thị trấn Nàng Mau đi xã Vĩnh Tường	V	Cầu Nàng Mau	Cầu Kênh Hậu	500,000
			Cầu Kênh Hậu	Hết ranh quy hoạch chợ Nàng Mau	350,000
			Ranh quy hoạch chợ Nàng Mau	Hết ranh thị trấn Nàng Mau	250,000
14	Đường về xã Vĩnh Thuận Tây	V	Nguyễn Huệ	Ranh xã Vị Thủy	300,000
15	Đường về xã Vị Trung	V	Quốc Lộ 61	Ranh xã Vị Trung	300,000
16	Đường ấp 5 - Thị trấn Nàng Mau	V	Cầu Nàng Mau	Hết đường nhựa 3m	300,000
			Ranh đường nhựa 3m	Giáp ranh xã Vị Thắng	150,000
17	Đường bờ xáng Nàng Mau	V	Cầu Nàng Mau	Kênh Ba Soi	150,000
18	Đường Nguyễn Thị Định	V	Quốc Lộ 61	Kênh Phong Lưu	450,000
19	Nội vi Khu dân cư giáo viên	V	Các đường nội bộ theo quy hoạch		300,000
III	**HUYỆN LONG MỸ**	**V**			
Đường loại I					

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Loại đô thị	Giới hạn		Giá đất
			Từ	Đến	
1	Nguyễn Việt Hồng	V	Nguyễn Trung Trực	Đường 30 Tháng 4	3,000,000
2	Nguyễn Trung Trực	V	Chiêm Thành Tấn	Giáp Đường tỉnh 930	3,000,000
3	Hai Bà Trưng	V	Nguyễn Trung Trực	Đường 30 Tháng 4	3,000,000
			Đường 30 Tháng 4	Cách Mạng Tháng Tám	2,500,000
4	Đường 30 tháng 4	V	Nguyễn Huệ	Đường tỉnh 930	3,000,000
			Nguyễn Huệ	Vòng xuyến Cách Mạng Tháng	2,500,000
5	Chiêm Thành Tấn	V	Nguyễn Trung Trực	Đường 30 Tháng 4	2,500,000
			Đường 30 Tháng 4	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,500,000
6	Nguyễn Văn Trỗi	V	Nguyễn Trung Trực	Đường 30 Tháng 4	2,500,000
7	Võ Thị Sáu	V	Nguyễn Trung Trực	Đường 30 Tháng 4	2,500,000
8	Cách Mạng Tháng Tám	V	Đường 3 Tháng 2	Trần Phú	2,500,000
9	Nguyễn Thị Minh Khai	V	Nguyễn Văn Trỗi	Chiêm Thành Tấn	2,100,000
10	Trần Phú	V	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	2,100,000
			Đường 30 Tháng 4	Cách Mạng Tháng Tám	1,500,000
11	Đường 3 tháng 2	V	Công ty Thương Nghiệp	Cách Mạng Tháng Tám	2,100,000
			Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Long Mỹ	1,400,000
12	Nguyễn Huệ	V	Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Phú Xuyên	2,500,000
			Cầu Phú Xuyên	Phạm Văn Nhờ	1,500,000
13	Ấp 6 (Đường tỉnh 931)	V	Vòng xuyến Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Long Mỹ	2,100,000
14	Đường vào Khu Tái định cư	V	Giáp ranh Phạm Văn Nhờ	Đường tỉnh 931	1,250,000
Đường loại II					
15	Ấp 2 (Cách Mạng Tháng Tám dự mở)	V	Chiêm Thành Tấn	Hai Bà Trưng	1,800,000
			Hai Bà Trưng	Nguyễn Văn Trỗi	1,150,000
			Nguyễn Văn Trỗi	Nguyễn Việt Hồng	900,000
16	Ấp 3 (Cách Mạng Tháng Tám dự mở)	V	Đường vào chùa Ba Cô	Giáp ranh ấp 5	1,000,000
17	Ấp 5 (Cách Mạng Tháng Tám dự mở)	V	Giáp ranh ấp 3	Tỉnh lộ 930	800,000
			Nguyễn Việt Hồng	Tỉnh lộ 930	800,000
			Cống Năm Tình	Vòng xuyến	1,200,000

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Loại đô thị	Giới hạn		Giá đất
			Từ	Đến	
18	Ấp 1 thị trấn Long Mỹ (Đường tỉnh 931)	V	Vòng xuyến	Cầu Long Mỹ	1,300,000
			Cầu Ba Ly	Đập Bờ Dừa	900,000
			Đập Bờ Dừa	Cầu Nước Đục	700,000
			Nhà Năm Thế	Cầu Long Mỹ	1,000,000
			Cầu Long Mỹ	Cầu Vịnh Rẫy	700,000
19	Trần Hưng Đạo	V	Vòng xuyến	Cầu Ba Ly	1,400,000
20	Ấp 4 thị trấn Long Mỹ (Đường tỉnh 931)	V	Cách Mạng Tháng Tám	Hết ranh Trung tâm Giáo dục thường xuyên (Trường Bán Công cũ)	1,800,000
			Hết ranh Trung tâm Giáo dục thường xuyên (Trường Bán Công cũ)	Cống Năm Khai	900,000
			Cống Năm Khai	Kênh Hậu Giang 3	600,000
21	Ấp 5 thị trấn Long Mỹ (Đường tỉnh 930)	V	Nguyễn Văn Trỗi	Nguyễn Việt Hồng	800,000
			Nguyễn Trung Trực	Đường 30 Tháng 4	1,800,000
			Đường 30 Tháng 4	Cách Mạng Tháng Tám dự mở	1,400,000
			Cách Mạng Tháng Tám dự mở	Cầu Trạm Bơm	900,000
			Cầu Trạm Bơm	Cầu Trắng	600,000
22	Đường vào Cụm Công nghiệp	V	Giáp ranh Đường tỉnh 930	Sông Cái Lớn	900,000
Đường loại III					
23	Phạm Văn Nhờ A - B	V	Trần Hưng Đạo	Cầu Ba Ly	900,000
24	Nguyễn Văn Trỗi	V	Đường 30 Tháng 4	Cách Mạng Tháng Tám	1,000,000
25	Võ Thị Sáu	V	Đường 30 Tháng 4	Cách Mạng Tháng Tám	1,000,000
26	Nguyễn Việt Hồng	V	Đường 30 Tháng 4	Cách Mạng Tháng Tám	900,000
27	Nguyễn Trung Trực	V	Đường tỉnh 930	Nhà thờ Thánh Tâm	1,000,000
			Nhà thờ Thánh Tâm	Cống Hai Thiên	800,000
28	Ấp 1 thị trấn Long Mỹ	V	Cầu Nước Đục	Ấp Bình An, xã Long Bình	500,000
29	Ấp 3 thị trấn Long Mỹ	V	Cách Mạng Tháng Tám	Chùa Ba Cô	600,000
			Chùa Ba Cô	Am Cô Năm	400,000
			Am Cô Năm	Giáp Thuận Hòa	300,000

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Loại đô thị	Giới hạn		Giá đất
			Từ	Đến	
30	Ấp 5 thị trấn Long Mỹ	V	Cống Hai Thiên	Kênh Chín Mốc	600,000
			Kênh Chính Mốc	Trạm Bơm ấp 5	400,000
			Trạm Bơm ấp 5	Cầu Trắng	500,000
31	Ấp 6 thị trấn Long Mỹ	V	Cầu Long Mỹ	Kênh Ba Nghiệp	700,000
IV	**THỊ XÃ NGÃ BẢY**	IV			
Đường loại I					
1	Trần Hưng Đạo	IV	Hùng Vương	Lê Lợi	7,000,000
2	Lê Lợi	IV	Trần Hưng Đạo	Triệu Ẩu (hết nhà lồng chợ)	7,000,000
			Triệu Ẩu	Cầu Xẻo Vông	5,000,000
3	Lý Thường Kiệt	IV	Hùng Vương	Lê Lợi	7,000,000
4	Triệu Ẩu	IV	Hùng Vương	Lê Lợi	6,000,000
5	Mạc Đỉnh Chi	IV	Trần Hưng Đạo	Lý Thường Kiệt	6,000,000
			Lê Lợi	Hùng Vương	6,000,000
6	Hùng Vương	IV	Đường Trần Hưng Đạo	Cổng UBND thị xã (đối diện Chi Cục thuế)	7,000,000
			Cổng UBND thị xã (đối diện Chi Cục thuế)	Phạm Hùng (đối diện Cầu Xẻo Vông)	5,000,000
			Phạm Hùng (đối diện cầu Xẻo Vông)	Nguyễn Huệ	4,000,000
			Nguyễn Huệ	Cầu Trắng Nhỏ	3,000,000
			Cầu Trắng Nhỏ	Cống Hai Nâu	2,100,000
			Cống Hai Nâu	Đường 3 Tháng 2	1,470,000
			Đường sau kè Khu Liên hiệp Đình Chiến	Ban Chỉ huy quân sự thị xã	4,000,000
			Ban Chỉ huy quân sự thị xã	Chùa Giác Long	3,000,000
			Chùa Giác Long	Đường 3 Tháng 2	2,100,000
			Đường 3 Tháng 2	Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị	1,470,000
			Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị	Cống Gió	1,050,000
			Cống Gió	Cầu Chữ Y	735,000
			Cầu Chữ Y	Ranh tỉnh Sóc Trăng	560,000

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Loại đô thị	Giới hạn		Giá đất
			Từ	Đến	
7	Đường 3 Tháng 2	IV	Đường Hùng Vương (phường Ngã Bảy)	Kênh Hai Dưỡng (giáp ranh huyện Phụng Hiệp)	1,000,000
Đường loại II					
9	Nguyễn Minh Quang	IV	Hùng Vương	Cầu Chùa	3,500,000
			Cầu Chùa	Cầu xuống bến tàu	1,200,000
			Cầu xuống bến tàu	Cầu Kênh Đào	900,000
			Cầu Kênh Đào	Ranh xã Đại Thành	700,000
10	Đường 30 Tháng 4	IV	Cầu Đen	Nguyễn Trãi	3,000,000
			Nguyễn Trãi	Kênh Tư Khiêm	2,100,000
			Kênh Tư Khiêm	Kênh Ba Thơ	1,470,000
			Kênh Ba Thơ	Kênh cặp cây xăng Nguyễn Phát	1,000,000
			Kênh cặp cây xăng Nguyễn Phát	Cầu Sậy Niếu	700,000
11	Nguyễn Trãi	IV	Cầu Xẻo Vông	Đường 30 Tháng 4	3,000,000
Đường loại III					
12	Phạm Hùng	IV	Hùng Vương	Lê Hồng Phong	2,000,000
13	Lê Hồng Phong	IV	Nguyễn Huệ	Nguyễn Minh Quang	2,000,000
14	Nguyễn Huệ	IV	Hùng Vương	Lê Hồng Phong	2,000,000
15	Châu Văn Liêm	IV	Phạm Hùng	Đoàn Văn Chia	2,000,000
16	Đoàn Văn Chia	IV	Lê Hồng Phong	Hùng Vương	2,000,000
17	Phan Đình Phùng	IV	Hùng Vương	Lê Hồng Phong	2,000,000
18	Nguyễn Thị Minh Khai	IV	Phạm Hùng	Nguyễn Huệ	3,000,000
19	Nguyễn Văn Nết	IV	Phan Đình Phùng	Nguyễn Huệ	2,000,000
20	Nguyễn Thị Xem	IV	Phan Đình Phùng	Nguyễn Huệ	2,000,000
21	Đường sau kè liên hiện Đình Chiến	IV	Cầu Phụng Hiệp	Đầu Doi Cát (kênh Sóc Trăng)	2,400,000
Đường loại IV					
22	Trần Nam Phú	IV	Hùng Vương	Trụ sở Khu vực 2, phường Hiệp Thành	1,500,000
			Trụ sở Khu vực 2, phường Hiệp Thành	Trường Tiểu học Hiệp Thành 3	1,050,000
			Trường Tiểu học Hiệp Thành 3	Ranh xã Đại Hải	700,000

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Loại đô thị	Giới hạn		Giá đất
			Từ	Đến	
23	Khu dân cư Cái Côn	IV	Cầu xuống bến tàu	Bến đò Cái Côn	1,000,000
24	Đường Ngô Quyền	IV	Nguyễn Trung Trực	Nguyễn Trãi	800,000
25	Tuyến Cầu Đình - Giáp xã Hiệp Lợi	IV	Cầu Đình	Cầu Xẻo Môn	600,000
			Cầu Xẻo Môn	Kênh Ba Sài	500,000
			Kênh Ba Sài	Kênh Hai Vàng	400,000
			Kênh Hai Vàng	Kênh Tám Nhái	200,000
26	Cao Thắng	IV	Cầu Nhà máy đường	Cầu số 2	500,000
			Cầu số 2	Ranh tỉnh Sóc Trăng	400,000
27	Đường 1 Tháng 5	IV	Cầu Nhà máy đường	Cổng Nhà máy đường	800,000
28	Hoàng Hoa Thám	IV	Cầu Chữ Y	Ranh huyện Phụng Hiệp	300,000
29	Khu vực Doi Chành	IV	Cầu Nhà máy đường	Nhà máy đường (cặp sông)	300,000
30	Triệu Vĩnh Tường	IV	Cầu Sậy Niếu	UBND phường Lái Hiếu	500,000
31	Doi Tân Thới Hòa - Xã Hiệp Hưng	IV	Đầu Doi	Kênh Mười Tấn	300,000
			Kênh Mười Tấn	Kênh Hậu Giang 3	250,000
32	Doi Tân Thới Hòa - Xã Tân Phước Hưng	IV	Đầu Doi	Kênh Hai Chắc	300,000
			Kênh Hai Chắc	Kênh Mười Lê	250,000
33	Nhà máy đường - Xã Tân Phước	IV	Cổng Nhà máy đường	Kênh Hai Dưỡng	250,000
34	Kênh Cầu Trắng Nhỏ	IV	Cầu Trắng Nhỏ (tuyến trái - Khu vực 5)	Cầu Cái Đôi Trong	600,000
			Cầu Cái Đôi Trong	Cầu Kênh Đào (Đường 3 Tháng 2)	300,000
			Cầu Trắng Nhỏ (tuyến phải - Khu vực 3, 6)	Cầu Cái Đôi Trong	600,000
			Cầu Cái Đôi Trong	Cầu Kênh Đào (đường Nguyễn Minh Quang)	360,000
			Cầu Kênh Đào (đường Nguyễn Minh Quang)	Cầu Kênh Đào (Đường 3 Tháng 2)	300,000
35	Nguyễn Thị Định	IV	Kênh Lái Hiếu	Ranh huyện Phụng Hiệp	300,000
36	Khu Tái định cư	IV	Nội vi khu tái định cư phường Hiệp Thành (Tái định cư Quốc lộ 1A)		950,000
			Nội vi khu tái định cư phường Hiệp Thành (giai đoạn 1)		950,000

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Loại đô thị	Giới hạn		Giá đất
			Từ	Đến	
37	Tuyến Kênh Tám Nhái	IV	Vàm kênh Tám Nhái (phường Lái Hiếu)	Kênh Láng Sen (phường Lái Hiếu)	200,000
38	Đường kênh Một Ngàn	IV	Đường Nguyễn Thị Định	Cầu kênh Mười Lê (vàm trong)	200,000
V	**HUYỆN PHỤNG HIỆP**	**V**			
1	Quốc lộ 61	V	Bến xe Kinh Cùng	Giáp ranh đường vào kênh Tám Ngàn Cụt	1,500,000
			Giáp ranh đường vào kênh Tám Ngàn Cụt	Cầu Kênh Giữa	2,400,000
			Cầu Kênh Giữa	Hết cây xăng Mỹ Tân	1,500,000
2	Đường song song Quốc lộ 61 (TT. Kinh Cùng)	V	Cầu Mẫu Giáo Sơn Ca	Giáp ranh đất ao cá Mỹ Anh	200,000
			Chùa Long Hòa Tự	Giáp ranh xã Hòa An	150,000
3	Đường tỉnh 927	V	Cầu vượt thị trấn Cây Dương	Cầu Số 4 và đến đường dẫn Cây Dương	1,400,000
			Cầu Số 4	Hết ranh đất Trường Tiểu học Cây Dương 2	600,000
			Ranh đất Trường Tiểu học Cây Dương 2	Ranh Huyện đội	500,000
			Ranh Huyện đội	Cầu Kênh 82	400,000
			Cầu vượt thị trấn Cây Dương	Giáp Lộ 26 Tháng 3	800,000
			Ranh Lộ 26 Tháng 3	Cầu Kênh Tây	500,000
4	Đường sau nhà lồng chợ thị trấn Cây Dương	V	Nhà Huỳnh Yến	Hết ranh nhà Sáu Miễu	1,200,000
			Hết ranh nhà Sáu Miễu	Ranh cầu vượt thị trấn Cây Dương	1,000,000
5	Đường tỉnh 928	V	Đầu đường dẫn cầu Cây Dương	Kênh Huỳnh Thiện	350,000
			Kênh Huỳnh Thiện	Kênh Trường Học	250,000
			Đầu đường dẫn cầu Cây Dương	Cuối đường dẫn cầu Cây Dương	500,000
			Cuối đường dẫn cầu Cây Dương	Kênh Châu Bộ	400,000
			Kênh Lái Hiếu	Giáp ranh cuối đường dẫn Cây Dương	350,000
			UBND thị trấn Búng Tàu	Hết ranh đất Bạch Vũ Lâm	400,000

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Loại đô thị	Giới hạn		Giá đất
			Từ	Đến	
			Ranh đất Bạch Vũ Lâm	Giáp ranh xã Hiệp Hưng	350,000
			Ranh Nhị tỳ (xã Tân Phước Hưng)	Cầu Ranh Án	300,000
6	Chợ thị trấn Kinh Cùng	V	Cầu Kênh Giữa	Kênh chợ thị trấn Kinh Cùng	700,000
			Cầu Kênh Chợ	Đường xuống Nhà máy nước	800,000
			Giáp ranh nhà ông Trần Văn Phừng	Đường xuống Nhà máy nước	900,000
			Nhà Máy nước	Cầu Lộ Tám Ngàn Cụt	600,000
			Đường xuống Nhà máy nước	Nhà ông Nhanh (đối diện nhà ông Hải)	900,000
7	Hai đường cặp dãy nhà lồng chợ	V	Quốc lộ 61	Kênh chợ thị trấn Kinh Cùng	1,000,000
8	Đường xuống nhà máy nước	V	Quốc lộ 61	Kênh chợ thị trấn Kinh Cùng	1,000,000
9	Đường vào kênh Tám Ngàn Cụt	V	Quốc lộ 61	Cầu kênh Tám Ngàn Cụt	600,000
10	Đường Quản lộ Phụng Hiệp thuộc thị trấn Búng Tàu	V	Kênh Năm Bài	Giáp ranh huyện Mỹ Tú, Sóc Trăng	600,000
11	Đường ô tô về trung tâm xã Tân Phước Hưng	V	Ranh cầu Mười Biếu	Cầu Bùi Kiệm	350,000
12	Đường lộ chợ Búng Tàu	V	Giáp ranh móng cầu cũ Búng Tàu	Ranh Nhị tỳ (đường cặp kênh xáng Bún Tàu)	700,000
			Giáp chân móng cầu cũ Búng Tàu (nhà anh Tiên)	hết ranh đất ông Nguyễn Văn Mỹ	700,000
			Giáp ranh cầu cũ Búng Tàu	Cầu mới Tỉnh lộ 928B (đường cặp kênh ngang)	300,000
13	Hai đường song song nhà lồng chợ Búng Tàu	V	Giáp ranh nhà lồng chợ	Ranh đất Hai Thành	500,000
14	Đường vào Khu Tái định cư thị trấn Cây Dương	V	Tỉnh lộ 927	Các đường nội ô Khu tái định cư	500,000
15	Đường vào Khu Dân cư vượt lũ thị trấn Cây Dương	V	Tỉnh lộ 927	Các đường nội ô Khu dân cư vượt lũ	350,000
VI	**HUYỆN CHÂU THÀNH A**	**V**			
1	Đường nội bộ chợ Cái Tắc	V	Bưu điện thị trấn Cái Tắc	Cầu Tàu	2,800,000

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Loại đô thị	Giới hạn		Giá đất
			Từ	Đến	
1	Đường nội bộ chợ Cái Tắc	V	Các đoạn còn lại trong nội bộ Chợ Cái Tắc		1,500,000
2	Quốc lộ 1	V	Cầu Đất Sét	Cua quẹo nhà thờ Cái Tắc (đất ông Tư Ninh)	2,500,000
			Cua quẹo nhà thờ Cái Tắc (đất ông Tư Ninh)	Trại gà Chị Ngộ (ấp Long An B)	1,500,000
			Trại gà Chị Ngộ (ấp Long An B)	Giáp ranh xã Long Thạnh (huyện Phụng Hiệp)	1,100,000
3	Quốc lộ 61	V	Ngã ba Cái Tắc (Quốc lộ 1)	Cầu Cái Tắc	4,000,000
4	Quốc lộ 1 cũ	V	Quốc Lộ 61	Hết ranh Trường Tiểu học thị trấn Cái Tắc	1,800,000
			Trường Tiểu học thị trấn Cái Tắc	Đầu Quốc lộ 1A	1,200,000
5	Đường Chùa Miên	V	Quốc Lộ 61	Cống Cả Bảo	1,200,000
6	Tuyến cặp sông Ba Láng (hướng về Quốc lộ 1A)	V	Cầu Đất Sét (giáp ranh xã Tân Phú Thạnh)	Cầu Sắt (đường Chùa Miên, trại chăn nuôi)	400,000
7	Đường ô tô về trung tâm xã Tân Phú Thạnh	V	Đầu Quốc lộ 1A	Sông Ba Láng (giáp ranh xã Tân Phú Thạnh)	1,200,000
8	Đường lộ chợ thị trấn Một Ngàn	V	Cầu 500	Bệnh viện huyện Châu Thành A	800,000
			Bệnh viện huyện Châu Thành A	Kênh 1.000	800,000
			Cầu 500	Cầu Tàu cũ (nhà lồng chợ cũ)	2,100,000
			Cầu Tàu cũ (nhà lồng chợ cũ)	Tượng đài chiến thắng Chi Khu 1.000	3,000,000
			Tượng đài chiến thắng Chi Khu 1.000	Đầu kênh Tân Hiệp (giáp sông xáng Xà No)	2,100,000
			Đầu kênh Tân Hiệp (giáp sông xáng Xà No)	Trường Tầm Vu 3	1,500,000
9	Đối diện Chợ 1.000 (thị trấn Một Ngàn)	V	Tuyến lộ GTNT cặp dọc theo sông Xáng Xà No (ấp 1B, thị trấn Một Ngàn)		300,000
			Cặp dọc theo sông Xáng Xà No (ấp 2B)		200,000
			Ranh Trường Tầm Vu 3	Kênh Tư Bùi	1,050,000

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Loại đô thị	Giới hạn		Giá đất
			Từ	Đến	
10	Đường tỉnh 929	V	Kênh Tư Bùi	Kênh Hai Tây	750,000
			Kênh Hai Tây	Kênh Ba Bọng	525,000
			Kênh Ba Bọng	Kênh ranh giáp huyện Phụng Hiệp	370,000
11	Trục đường trung tâm thị trấn Một Ngàn	V	Đầu lộ 929	Kênh 500	800,000
			Kênh 500	Kênh 1.000	600,000
12	Đường tỉnh lộ 932 (mới)	V	Cầu Tân Hiệp (Cầu vượt giáp lộ 929)	Kênh 500	800,000
			Kênh 500	Kênh 1.000	450,000
			Cầu Tân Hiệp (Cầu vượt kênh Tân Hiệp)	Kênh Xáng Mới	650,000
			Đoạn kênh 5.000 (giáp ranh xã Tân Hòa)	Kênh 6.500	400,000
			Đoạn 6.500 - 7.000 (hướng tây giáp đường tỉnh 932 ra khu vượt lũ)		800,000
			Kênh 7.000	Kênh 8.000 (xã Vị Bình)	400,000
13	Đường Bốn Tổng Một Ngàn	V	Đường nối thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang với thành phố Cần Thơ	Đường 932	400,000
			Đường 932	Hương lộ 12 cũ	450,000
			Sông Xáng Xà No	Ranh xã Trường Long A	300,000
14	Khu dân cư huyện Châu Thành A (thị trấn Một Ngàn)	V	Cả khu		650,000
15	Quốc lộ 61	V	Ranh ấp Láng Hầm	Ranh ấp Thị Tứ	500,000
			Từ ranh ấp Thị Tứ	UBND thị trấn Rạch Gòi	700,000
			Từ UBND thị trấn Rạch Gòi	Ngã ba chợ Rạch Gòi (hết ranh nhà Lê Khoa)	1,500,000
			Từ ngã ba Rạch Gòi	Cầu Ba Láng	2,100,000
			Cầu Ba Láng	Cầu Vinh 1	2,100,000

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Loại đô thị	Giới hạn		Giá đất
			Từ	Đến	
16	Đường nội bộ chợ Rạch Gòi	V	Cầu Vinh 2 - Cầu Vinh 1 - Cổng ấp văn hóa Thị Tứ (giáp ranh ấp Láng Hầm)		1,500,000
			Cầu Vinh 2	Quán chị Năm Tiền	2,100,000
			Cầu Sắt cũ	Ngã ba Rạch Gòi	2,100,000
			Các đoạn đường còn lại trong chợ Rạch Gòi		500,000
17	Các ấp còn lại	V	Ấp: Láng Hầm, Láng Hầm A, Xáng Mới, Xáng Mới A		350,000
			Xáng Mới C, các đoạn đường còn lại ấp Thị Tứ		400,000
18	Đường nối thành phố Vị Thanh với thành phố Cần Thơ	V	Kênh Tân Hiệp (giáp ranh thị trấn Rạch Gòi)	Kênh 1.000 (giáp ranh xã Tân Hòa)	1,500,000
		V	Giáp ranh xã Nhơn Nghĩa A	Kênh Tân Hiệp (giáp ranh thị trấn Một Ngàn)	1,050,000
		V	Kênh 5.000 (giáp ranh xã Tân Hòa)	Kênh 8.000 (giáp ranh xã Vị Bình)	1,050,000
19	Đường công vụ (thị trấn Rạch Gòi)	V	Giáp ranh thị trấn Một Ngàn	Đường nối thành phố Vị Thanh với thành phố Cần Thơ	400,000
20	Đường công vụ (thị trấn Một Ngàn)	V	Đầu Đường tỉnh 932	Giáp ranh thị trấn Rạch Gòi	400,000
21	Đường Hương lộ 12 cũ	V	Đoạn 5.000	Đoạn 6.500	300,000
			Hướng tây giáp kênh Xáng Xà No (trung tâm chợ 7.000), từ đường 932 ra Kênh Xáng Xà No		1,200,000
			Đoạn 7.000	Giáp đường 932 (Đoạn 8.000)	400,000
22	Đối diện chợ Bảy Ngàn	V	Đoạn 5.000	Đoạn 6.000	200,000
			Đoạn 6.000	Đoạn 7.000	250,000
			Đoạn 7.000	Đoạn 8.000	200,000
23	Khu dân cư vượt lũ 7.000		Cả khu		300,000
24	Lộ mới Ba Ngoan	V	Đầu Quốc lộ 61	Sông Láng Hầm	400,000
25	Đường vào khu tập thể cầu đường	V	Quốc Lộ 1A	Sông Ba Láng	1,200,000
VII	**HUYỆN CHÂU THÀNH**	**V**			

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Loại đô thị	Giới hạn		Giá đất
			Từ	Đến	
1	Đường tỉnh 925	V	Ranh thị trấn Ngã Sáu (giáp xã Đông Phước A)	Mốc 1,5km	700,000
			Mốc 1,5km	Cầu Cái Dầu	1,500,000
			Cầu Cái Dầu	Ranh xã Phú Hữu	700,000
2	Đường về xã Đông Phước	V	Đường tỉnh 925	Cầu Xẻo Chồi	600,000
			Cầu Xẻo Chồi	Cầu Tràm Bông	400,000
3	Đường về xã Đông Phú	V	Đường tỉnh 925	Cầu Ngã Cạy	600,000
			Cầu Ngã Cạy	Cầu Bảy Mộc	400,000
4	Đường cặp sông Cái Dầu, Cái Muồng (phía chợ Ngã Sáu)	V	Mốc 1,5km	Cầu Cái Dầu	500,000
5	Đường vào Trường Mầm non Ánh Dương	V	Cầu Xẻo Chồi	Trường Mầm non Ánh Dương	500,000
			Trường Mầm non Ánh Dương	Đường tỉnh 925	500,000
6	Khu Dân cư vượt lũ Ngã Sáu	V	Cả khu		450,000
7	Khu Dân cư - Thương mại Thiện Phúc (không áp dụng đối với các lô đất cặp tỉnh lộ 925)	V	Cả khu (đối với các tuyến đường nhựa)		1,000,000
8	Đường về xã Đông Phước (mới)	V	Cầu Cái Muồng (mới)	Ngã ba Đội thuế (cũ)	600,000
9	Đường phía sau Đội thuế (cũ)	V	Đường về xã Đông Phước (mới)	Cầu kênh Tân Quới	250,000
10	Đường tránh thị trấn Ngã Sáu	V	Suốt tuyến		1,100,000
11	Đường về thị trấn Mái Dầm	***V***	UBND xã Phú Hữu	Quốc lộ Nam Sông Hậu	400,000
			Quốc lộ Nam Sông Hậu	Chợ Mái Dầm	500,000
12	Khu dân cư vượt lũ thị trấn Mái Dầm	V	Cả khu (không tính các lô đất giáp với Tỉnh lộ 925)		400,000
13	Quốc lộ Nam Sông Hậu	V	Cầu Ngã Bát	Cầu Mái Dầm	700,000
14	Khu tái định cư và dân cư thị trấn Ngã Sáu	V	Các lô nền tiếp giáp với đường tránh thị trấn Ngã Sáu và các lô nền lô A và B		1,100,000
			Các lô nền còn lại		985,000